**Tổng hợp mức phạt tiền các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại vi phạm** | **Hành vi vi phạm** | **Mức phạt tiền** |
| 1 | Hành vi vi phạm quy định về bình ổn giá | Chậm báo cáo trong thời hạn dưới 05 ngày làm việc so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác bình ổn giá | Phạt cảnh cáo |
| Chậm báo cáo trong thời hạn trong thời hạn từ 05 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác bình ổn giá | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Chậm báo cáo quá 10 ngày làm việc so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ công tác bình ổn giá | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Thực hiện không đúng một trong những biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Không thực hiện một trong những biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quy định | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Trích lập; sử dụng; kết chuyển hoặc hạch toán Quỹ bình ổn giá không đúng quy định của pháp luật về giá | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Không kết chuyển hoặc trích lập Quỹ bình ổn giá | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng |
| 2 | Hành vi vi phạm chính sách trợ giá, trợ cước | Khai man, khai khống hồ sơ thanh toán để nhận tiền trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước; hành vi sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng được sử dụng tiền trợ giá, tiền trợ cước vận chuyển hàng hóa và các khoản tiền hỗ trợ để thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 3 | Hành vi vi phạm quy định về hiệp thương giá | Từ chối mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá tạm thời trong hiệp thương giá | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Đã thống nhất được giá và thực hiện theo giá thống nhất nhưng không báo cáo với cơ quan tổ chức hiệp thương theo quy định |
| Không thực hiện hiệp thương giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| 4 | Hành vi không chấp hành đúng giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định | Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng |
| Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định | Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng |
| 5 | Hành vi vi phạm quy định về lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ | Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ không đúng với hướng dẫn về phương pháp định giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Không lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 6 | Hành vi vi phạm quy định về giá trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định của Chính phủ | Không báo cáo giá mua thóc gạo xuất khẩu, gian lận trong việc khai báo giá xuất khẩu gạo; không báo cáo hoặc báo cáo không đúng lượng hàng hóa tồn kho dự trữ lưu thông của thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Xuất khẩu gạo thấp hơn giá sàn gạo xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc quy định | Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng |
| 7 | Hành vi vi phạm quy định về kê khai giá, đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ | Kê khai không đủ các nội dung của văn bản kê khai giá sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đã có văn bản nhắc nhở, yêu cầu nộp lại văn bản kê khai giá | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Không thông báo bằng văn bản về mức giá Điều chỉnh tăng hoặc giảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp phải thực hiện thông báo giá theo quy định của pháp luật về giá | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Áp dụng mức giá kê khai, đăng ký không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về giá kể từ ngày thực hiện kê khai giá, đăng ký giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| Không kê khai giá đúng thời hạn theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Không kê khai giảm giá phù hợp với biến động giảm giá của yếu tố hình thành giá theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| Không đăng ký giá đúng thời hạn theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Không kê khai giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Không kê khai giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên | Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Không kê khai giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng |
| Không đăng ký giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện đăng ký giá | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Không đăng ký giá từ 01 đến 10 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện đăng ký giá trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không đăng ký giá từ 11 đến 20 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện đăng ký giá | Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Không đăng ký giá từ 11 đến 20 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện đăng ký giá trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm; hành vi không đăng ký giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện đăng ký giá trở lên | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng |
| Không đăng ký giá từ 21 hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc diện kê khai giá trở lên trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm | Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 8 | Hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ | Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa Điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật | Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng |
| Không niêm yết giá hàng hóa, dịch vụ tại địa Điểm phải niêm yết giá theo quy định của pháp luật trong trường hợp vi phạm nhiều lần; tái phạm | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng |
| Niêm yết giá không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng trong trường hợp vi phạm nhiều lần; tái phạm |
| Niêm yết giá không đúng giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh Mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá |
| Bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá không thuộc Khoản 5 Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Không công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật ngoài hình thức niêm yết giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, kê khai giá | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Bán cao hơn giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục bình ổn giá, hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Không công khai về Quỹ bình ổn giá theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| 9 | Hành vi tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý | Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị đến 50.000.000 đồng | Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá và và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị đến 50.000.000 đồng |
| Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng |
| Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng |
| Tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã kê khai hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị trên 500.000.000 đồng | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng |
| Tăng giá theo giá ghi trong Biểu mẫu đăng ký hoặc văn bản kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu giải trình mức giá đăng ký hoặc kê khai hoặc có văn bản yêu cầu đình chỉ áp dụng mức giá mới và thực hiện đăng ký lại, kê khai lại mức giá và hàng hóa, dịch vụ bán tăng giá có tổng giá trị từ trên 500.000.000 đồng |
| Tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý khi kiểm tra yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng |
| 10 | Hành vi đưa tin thất thiệt về thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ | Bịa đặt, loan tin, đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Hành vi đưa tin không đúng sự thật về tình hình thị trường, giá cả hàng hóa, dịch vụ gây tâm lý hoang mang trong xã hội và bất ổn thị trường trên phương tiện thông tin đại chúng như báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các ấn phẩm thông tin khác  | Được xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản |
| 11 | Hành vi vi phạm quy định về cung cấp số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Chậm cung cấp so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn dưới 05 ngày làm việc thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt cảnh cáo |
| Chậm cung cấp so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn dưới 02 ngày làm việc về số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh |
| Chậm cung cấp báo cáo định kỳ, số liệu, tài liệu so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn từ 05 ngày làm việc đến 15 ngày làm việc; cung cấp không chính xác thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng |
| Chậm cung cấp so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn từ 02 ngày làm việc đến 10 ngày làm việc; cung cấp không chính xác; cung cấp không đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh | Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng |
| Chậm cung cấp thông tin so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá 15 ngày làm việc hoặc quá thời hạn nộp của kỳ báo cáo tiếp theo đối với các báo cáo định kỳ về giá hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền | Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng |
| Chậm cung cấp báo cáo định kỳ, số liệu, tài liệu so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá thời hạn 15 ngày làm việc | Phạt tiền từ 9.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng |
| Chậm cung cấp so với yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quá 10 ngày làm việc về số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp Nhà nước định giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh |
| 12 | Hành vi gian lận về giá | Gian lận về giá bằng cách thay đổi nội dung đã cam kết mà không thông báo trước với khách hàng về thời gian; địa điểm; điều kiện mua, bán; chất lượng hàng hóa, dịch vụ tại thời điểm giao hàng, cung ứng dịch vụ | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 13 | Hành vi lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường, lợi dụng chính sách của Nhà nước để định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý | Lợi dụng khủng hoảng kinh tế, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và điều kiện bất thường khác, lợi dụng chính sách của Nhà nước để định giá mua, giá bán hàng hóa, dịch vụ bất hợp lý | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| 14 | Hành vi vi phạm quy định đối với doanh nghiệp thẩm định giá | Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi không bảo đảm một trong các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định pháp luật về giá | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi có sự thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại do thiên tai, địch họa hoặc lý do bất khả kháng khác |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi thay đổi về danh sách thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp (gồm: tên, năm sinh, quê quán, chức vụ, số Thẻ thẩm định viên và ngày cấp Thẻ thẩm định viên về giá) |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi doanh nghiệp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi doanh nghiệp bị giải thể, phá sản, tạm ngừng, tự chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 20 ngày làm việc khi doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| Chậm thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 35 ngày làm việc kể từ ngày đặt cơ sở hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ thẩm định giá ở nước ngoài | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng |
| Chậm thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá |
| Chậm cung cấp chứng thư thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá hoặc các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá |
| Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 40 ngày làm việc khi thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 109/2013/NĐ-CP | Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính sau thời gian 45 ngày làm việc kể từ ngày đặt cơ sở hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ thẩm định giá ở nước ngoài |
| Không thực hiện báo cáo, không cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá sau 20 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá |
| Không cung cấp chứng thư thẩm định giá, hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá, hoặc các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày phải báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền |
| Thực hiện thẩm định giá mà không có hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá đồng thời cũng không có văn bản yêu cầu thẩm định giá của khách hàng thẩm định giá | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Phát hành Chứng thư thẩm định giá hoặc Báo cáo thẩm định giá không có đủ các thông tin cơ bản theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam |
| Tranh giành khách hàng dưới hình thức ngăn cản, đe dọa, lôi kéo, mua chuộc và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác; thông tin không chính xác về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Gây trở ngại hoặc can thiệp vào công việc điều hành của tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá khi họ thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật |
| Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá và tài sản được thẩm định giá khi không được sự đồng ý của khách hàng thẩm định giá hoặc không được pháp luật cho phép |
| Không lưu trữ hồ sơ thẩm định giá theo đúng quy định của pháp luật về giá trừ trường hợp nêu tại Điểm d Khoản 8 Điều 18 Nghị định 109/2013/NĐ-CP | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng |
| Sửa chữa, thay đổi nội dung hồ sơ thẩm định giá đang được lưu |
| Không tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo quản, khai thác hồ sơ thẩm định giá |
| Không thực hiện đúng quy trình thẩm định giá | Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng |
| Không thực hiện đúng phương pháp thẩm định giá theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam |
| Không áp dụng đủ các phương pháp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá |
| Giả mạo, thuê, mượn Thẻ thẩm định viên về giá | Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng |
| Kê khai không đúng hoặc gian lận, giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá |
| Nhận hoặc yêu cầu bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích khác từ khách hàng thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã được thỏa thuận trong hợp đồng |
| Không lưu trữ hồ sơ thẩm định giá theo thời hạn quy định của pháp luật |
| Thực hiện thẩm định giá đối với các trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá không được thực hiện thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá | Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng |
| Phát hành chứng thư thẩm định giá hoặc báo cáo kết quả thẩm định giá được ký bởi người không phải thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm phát hành |
| Làm sai lệch hồ sơ tài sản thẩm định giá hoặc sai lệch thông tin liên quan đến tài sản thẩm định giá trừ trường hợp nêu tại Khoản 13 Điều 18 Nghị định 109/2013/NĐ-CP | Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng |
| Trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng mức trích lập theo quy định | Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng |
| Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, đồng thời không trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Thông đồng với chủ tài sản, khách hàng thẩm định giá, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá làm sai lệch kết quả thẩm định giá | Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng |
| Làm sai lệch hồ sơ tài sản thẩm định giá hoặc sai lệch thông tin liên quan đến tài sản thẩm định giá dẫn đến thẩm định giá cao hoặc thấp hơn 10% đối với tài sản là bất động sản, thiết bị, phương tiện vận tải; 15% đối với tài sản là vật tư, hàng hóa so với kết quả thẩm định giá cuối cùng của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá và cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng cùng một cách tiếp cận thẩm định giá | Phạt tiền từ 220.000.000 đồng đến 260.000.000 đồng |
| 15 | Hành vi vi phạm quy định đối với thẩm định viên về giá | Tiết lộ thông tin về hồ sơ, khách hàng thẩm định giá hoặc tài sản được thẩm định giá khi không được sự đồng ý của khách hàng thẩm định giá hoặc không được pháp luật cho phép | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng |
| Nhận bất kỳ một khoản tiền hoặc lợi ích nào khác từ tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá ngoài mức giá dịch vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng |
| Không thực hiện đúng hướng dẫn tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam về quy trình thẩm định giá, phương pháp thẩm định giá | Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng |
| Không áp dụng đủ các phương pháp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá |
| Giả mạo, cho thuê, cho mượn Thẻ thẩm định viên về giá | Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng |
| Đăng ký hành nghề thẩm định giá trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên |
| Hành nghề thẩm định giá trong cùng một thời gian cho từ hai doanh nghiệp thẩm định giá trở lên |
| Ký chứng thư thẩm định giá tại một doanh nghiệp thẩm định giá mà không đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp đó |
| Thông đồng với chủ tài sản, khách hàng, người có liên quan khi thực hiện thẩm định giá nhằm làm sai lệch kết quả thẩm định giá | Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng |
| Làm sai lệch hồ sơ tài sản thẩm định giá hoặc sai lệch thông tin liên quan đến tài sản thẩm định giá dẫn tới sai lệch kết quả thẩm định giá |
| Thực hiện thẩm định giá cho đơn vị được thẩm định giá mà thẩm định viên về giá có quan hệ về góp vốn, mua cổ phần, trái phiếu hoặc có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột là thành viên trong ban lãnh đạo hoặc kế toán trưởng của đơn vị được thẩm định giá |
| 16 | Hành vi vi phạm quy định đối với người có tài sản thẩm định giá và người sử dụng kết quả thẩm định giá | Lựa chọn tổ chức không đủ điều kiện hành nghề thẩm định giá để ký hợp đồng thẩm định giá | Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng |
| Sử dụng kết quả thẩm định giá không đúng với mục đích thẩm định giá đã được ghi trong hợp đồng | Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng |
| Cung cấp không chính xác, không trung thực, không đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản cần thẩm định giá | Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng |
| Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá để làm sai lệch kết quả thẩm định giá | Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng  |

***Căn cứ pháp lý:***

- [**Nghị định 109/2013/NĐ-CP**](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-109-2013-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-quan-ly-gia-phi-le-phi-hoa-don-32d91.html) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

- [**Nghị định 49/2016/NĐ-CP**](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-49-2016-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-109-2013-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-quan-ly-gia-phi-le-phi-hoa-don-44cb3.html) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.